

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/TT-BGDĐT

DỰ THẢO
xin ý kiến

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Thông tư này quy định về khen thưởng và kỷ luật học sinh trong nhà trường.
- Thông tư này áp dụng đối với: Trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường chuyên, trường năng khiếu, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường trung cấp, trường cao đẳng có học sinh học chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông (sau đây gọi là trường); người đứng đầu trường (sau đây gọi là Hiệu trưởng); người học đang học chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông tại trường (sau đây gọi là học sinh); cha, mẹ, người giám hộ của học sinh (sau đây gọi là gia đình học sinh) và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
- Thông tư này không áp dụng đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhắc nhở là việc giáo viên dùng lời nói trực tiếp với học sinh có hành vi vi phạm để lưu ý, rút kinh nghiệm, điều chỉnh hành vi.

2. Phê bình là việc giáo viên dùng lời nói trực tiếp phân tích, đánh giá, nhấn mạnh với thái độ nghiêm khắc về hành vi vi phạm để học sinh nhận thức được hậu quả và có biện pháp khắc phục, điều chỉnh hành vi.

3. Xin lỗi là việc học sinh dùng lời nói thừa nhận hành vi vi phạm, nhận thức rõ cái sai của hành vi; bày tỏ sự hối tiếc về việc đã làm, mong muốn được tha thứ và khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tập thể mà học sinh gây ra lỗi.

4. Viết bản tự kiểm điểm là việc học sinh thừa nhận hành vi vi phạm bằng văn bản, nhận thức rõ cái sai của hành vi, bày tỏ sự hối tiếc về việc đã làm, mong muốn được tha thứ và cam kết rút kinh nghiệm, khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tập thể mà học sinh gây ra lỗi.

Điều 3. Nguyên tắc chung về khen thưởng và kỷ luật học sinh

1. Khen thưởng, kỷ luật học sinh bảo đảm tính giáo dục, nhân văn, vì sự tiến bộ của học sinh.

2. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của hội đồng trường, Hiệu trưởng, giáo viên; bảo đảm sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

3. Thực hiện đúng, đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường trong công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Chương II

KHEN THƯỞNG

Điều 4. Mục đích và nguyên tắc khen thưởng

1. Mục đích

Khen thưởng nhằm ghi nhận, biểu dương, động viên, khuyến khích, tạo động lực để học sinh rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu vươn lên trong học tập và cuộc sống; tôn vinh, nhân rộng tấm gương người tốt, việc tốt.

2. Nguyên tắc

a) Bảo đảm công khai, khách quan, chính xác, công bằng, kịp thời, đúng đối tượng và tương xứng giữa hình thức khen thưởng với thành tích đạt được.

b) Tùy thuộc vào thành tích đạt được có thể tuyên dương, khen thưởng học sinh bằng nhiều hình thức khác nhau.

Điều 5. Hình thức khen thưởng

1. Tuyên dương trước lớp.

2. Tuyên dương trước toàn trường.

3. Giấy khen của Hiệu trưởng.
4. Thư khen.
5. Hình thức tuyên dương, khen thưởng khác.

Điều 6. Tuyên dương trước lớp

1. Tuyên dương trước lớp được thực hiện đối với học sinh có hành vi tốt đẹp, có ảnh hưởng lan tỏa tích cực đến học sinh khác trong lớp hoặc học sinh có tiến bộ rõ rệt về học tập, rèn luyện.
2. Giáo viên quyết định và thực hiện việc tuyên dương học sinh trước lớp vào thời điểm phù hợp.

Điều 7. Tuyên dương trước toàn trường

1. Tuyên dương trước toàn trường được thực hiện đối với học sinh có thành tích xuất sắc, hành vi tốt đẹp, có ảnh hưởng lan tỏa tích cực đến học sinh khác trong trường hoặc học sinh có thành tích nổi bật trong học tập, rèn luyện.
2. Giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng tuyên dương học sinh trước toàn trường.

Điều 8. Giấy khen của Hiệu trưởng

1. Học sinh đạt một trong những thành tích sau đây được xem xét, quyết định tặng Giấy khen của Hiệu trưởng:
 - a) Đạt thành tích theo quy định về đánh giá học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - b) Có nhiều đóng góp cho tập thể lớp, trường hoặc công tác Đoàn, Đội; tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng được giáo viên chủ nhiệm giới thiệu và tập thể lớp công nhận;
 - c) Có thành tích trong các phong trào thi đua, cuộc thi, hội thi theo quy định.
2. Giáo viên chủ nhiệm căn cứ kết quả học tập, rèn luyện và thành tích đạt được của học sinh trong lớp, đề nghị Hiệu trưởng tặng Giấy khen theo quy định.
3. Trên cơ sở đề nghị của giáo viên chủ nhiệm, Hiệu trưởng quyết định tặng Giấy khen theo quy định và chọn thời điểm phù hợp, tổ chức trang trọng để kịp thời động viên, khuyến khích, tôn vinh, nêu gương đối với học sinh.

Điều 9. Thư khen

1. Thư khen được thực hiện đối với học sinh có kết quả học tập, rèn luyện tiến bộ, tự vượt lên chính mình hoặc có thành tích đột xuất nổi bật.
2. Giáo viên, Hiệu trưởng, các cấp quản lý tùy theo tính chất, mức độ của thành tích tặng thư khen cho học sinh.

Điều 10. Hình thức tuyên dương, khen thưởng khác

1. Ngoài các hình thức tuyên dương, khen thưởng được quy định tại Thông tư này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể thực hiện hình thức tuyên dương, khen thưởng khác phù hợp nhằm động viên, nêu gương kịp thời đối với học sinh trong học tập, rèn luyện.

2. Đối với các hình thức khen thưởng theo quy định thi đua - khen thưởng, Hiệu trưởng tuyên dương học sinh trước toàn trường và trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương III

KỶ LUẬT

Điều 11. Mục đích và nguyên tắc kỷ luật

1. Mục đích

- a) Kỷ luật nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm của học sinh.
- b) Kỷ luật nhằm giáo dục, giúp đỡ học sinh tự nhận thức được hành vi vi phạm; tự giác điều chỉnh hành vi, khắc phục hậu quả, tự giác tu dưỡng, rèn luyện để tiến bộ và hình thành thói quen, lối sống kỷ luật.

2. Nguyên tắc

- a) Bảo đảm tính chủ động, tích cực trong thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của học sinh; giữ vững kỷ cương, nền nếp trong trường.
- b) Tôn trọng, bao dung, khách quan, không định kiến, bảo đảm quyền được tham gia và lợi ích của học sinh đối với các vấn đề liên quan.
- c) Bảo đảm phù hợp đặc điểm tâm sinh lý, giới tính, thể chất, hoàn cảnh gia đình, đặc điểm văn hóa vùng miền của từng học sinh.
- d) Không sử dụng biện pháp kỷ luật mang tính bạo lực, xúc phạm nhân phẩm, ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần của học sinh.

Điều 12. Hành vi và mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật

1. Hành vi vi phạm

- a) Hành vi bị nghiêm cấm đối với học sinh trong cơ sở giáo dục quy định tại Luật Giáo dục.
- b) Hành vi vi phạm quy định của trường, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Mức độ vi phạm

Cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các thành viên khác căn cứ tính chất, hậu quả của hành vi vi phạm để xác định mức độ vi phạm như sau:

- a) Mức độ 1 là vi phạm có tác hại đến bản thân học sinh;
- b) Mức độ 2 là vi phạm có ảnh hưởng tiêu cực trong phạm vi nhóm, lớp;
- c) Mức độ 3 là vi phạm có ảnh hưởng tiêu cực trong phạm vi trường.

Điều 13. Biện pháp kỷ luật

1. Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh tiểu học

- a) Nhắc nhở;
- b) Yêu cầu xin lỗi.

2. Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh ngoài đối tượng học sinh tiểu học

- a) Nhắc nhở;
- b) Phê bình;
- c) Yêu cầu viết bản tự kiểm điểm.

Điều 14. Một số hoạt động hỗ trợ chủ yếu để khắc phục hành vi vi phạm

1. Khuyến bảo, động viên để học sinh tự nhận thức được hành vi vi phạm và hướng khắc phục;

2. Theo dõi, tư vấn, hỗ trợ học sinh vi phạm trong quá trình khắc phục hành vi vi phạm;

3. Yêu cầu học sinh thực hiện một số hoạt động phù hợp để khắc phục hành vi vi phạm;

4. Phối hợp với gia đình học sinh và các lực lượng khác để tư vấn, hỗ trợ học sinh khắc phục hành vi vi phạm.

Điều 15. Áp dụng biện pháp kỷ luật đối với học sinh tiểu học

1. Biện pháp kỷ luật Nhắc nhở áp dụng đối với học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 1 được quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Biện pháp kỷ luật Yêu cầu xin lỗi áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật Nhắc nhở mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 1; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 2 trở lên được quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

3. Các biện pháp kỷ luật đối với học sinh tiểu học không lưu hồ sơ và học bạ của học sinh.

Điều 16. Áp dụng biện pháp kỷ luật đối với học sinh ngoài đối tượng học sinh tiểu học

1. Biện pháp kỷ luật Nhắc nhở áp dụng đối với học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 1 được quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Biện pháp kỷ luật Phê bình áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật Nhắc nhở mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 1; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 2 được quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

3. Biện pháp kỷ luật Yêu cầu viết bản tự kiểm điểm áp dụng đối với học sinh đã thực hiện biện pháp kỷ luật Phê bình mà tiếp tục có hành vi vi phạm ở mức độ 2; học sinh có hành vi vi phạm ở mức độ 3 được quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

Điều 17. Thẩm quyền kỷ luật

1. Hiệu trưởng thực hiện biện pháp kỷ luật quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Giáo viên chủ nhiệm thực hiện biện pháp kỷ luật quy định tại Điều 13 Thông tư này.

3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện biện pháp kỷ luật quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 Thông tư này và phối hợp với giáo viên chủ nhiệm thực hiện biện pháp kỷ luật theo quy định tại khoản b, khoản c Điều 13 Thông tư này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 18. Trách nhiệm của trường

1. Trách nhiệm của Hội đồng trường

a) Căn cứ điều kiện thực tế, ban hành quy định hình thức, định mức thưởng cho học sinh được tặng giấy khen của Hiệu trưởng và các hình thức thưởng phù hợp khác.

b) Giám sát thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động khen thưởng và kỷ luật học sinh.

2. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể học sinh, thành viên trong trường, gia đình học sinh và tổ chức thực hiện khen thưởng, kỷ luật học sinh theo quy định.

b) Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền. Chịu trách nhiệm giải trình về việc thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh.

c) Phân công các thành viên trong trường và phối hợp với các lực lượng khác ngoài nhà trường thực hiện các hoạt động hỗ trợ chủ yếu để học sinh khắc phục hành vi vi phạm.

d) Báo cáo cơ quan quản lý cấp trên kết quả công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh theo quy định.

3. Trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm

a) Thực hiện nghiêm túc các quy định về khen thưởng, kỷ luật học sinh;

b) Đề xuất các hình thức khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng;

c) Chịu trách nhiệm giải trình về việc thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của giáo viên, nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong trường

a) Thực hiện nghiêm túc các quy định về khen thưởng, kỷ luật học sinh;

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm đề xuất các hình thức khen thưởng, kỷ luật học sinh thuộc thẩm quyền của Hiệu trưởng.

5. Trách nhiệm của học sinh

Thực hiện nghiêm túc các quy định về khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Điều 19. Trách nhiệm của gia đình học sinh

Chủ động, tích cực phối hợp với trường quản lý, giáo dục học sinh thực hiện nghiêm túc quy định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các trường thuộc phạm vi quản lý trong việc thực hiện Thông tư này.

2. Báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về công tác khen thưởng, kỷ luật học sinh theo định kỳ năm học hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu bằng văn bản.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức thực hiện hoặc phối hợp thực hiện Thông tư này.

Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác khen thưởng và kỷ luật học sinh.

2. Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Thông tư.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2025 và thay thế Thông tư số 08/TT ngày 21 tháng 3 năm 1988 của Bộ Giáo dục hướng dẫn về việc khen thưởng và thi hành kỷ luật học sinh.

2. Các quy định trước đây của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khen thưởng, kỷ luật học sinh khác với Thông tư này đều bãi bỏ.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa – Xã hội của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế);
- Ủy ban quốc gia Đổi mới GDĐT;
- Hội đồng QGGDPTNNL;
- Như Điều 24 (để thực hiện);
- Công báo và Cổng TTĐT của Chính phủ, Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ HSSV.

BỘ TRƯỞNG